

Bản án số: 123/2018/HS-ST
Ngày: 30-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Huy Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Dung.

Bà Đặng Thị Vui.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị H**, tên gọi khác: không có; sinh ngày: 19/12/1971 tại Uông Bí, Quảng Ninh. Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, khu 2, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Tổ 5, khu 1, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức T và bà Lưu Thị L (đã chết); chồng: Lưu Văn L (đã ly hôn năm 2006) và có 01 con, sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; **bị cáo bị bắt quả tang** ngày 30/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đinh Khắc H1**, tên gọi khác: không có; sinh ngày: 25/10/1976 tại thành phố Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Tổ 26, khu 6, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Tổ 24, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Khắc S và bà Vũ Thị M; vợ: Nguyễn Thị L; con: có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 22/5/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đình Khắc H2**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 23/10/1995 tại Ưông Bí, Quảng Ninh. Nơi ĐKHKTT: Tổ 26, khu 6, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Tổ 24, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đình Khắc H1 và bà Nguyễn Thị H; vợ: Tống Thị Y và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 07/7/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Ưông Bí, có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Lại Xuân Tr, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu Biểu Nghi 2, phường Đ, thị xã Q. Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:* Chị Đình Thị Th, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xóm 6, xã S, thị xã Q.Y, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, Bùi Thị H và anh Lại Xuân Tr (sinh năm 1975; trú tại khu Biểu Nghi 2, phường Đ, thị xã Q. Y, tỉnh Quảng Ninh) có quan hệ tình cảm nam nữ. Khoảng tháng 11/2017 H đưa cho Tr một khoản tiền (H khai là 45.000.000đ, còn anh Tr khai là 10.000.000đ) và 01 cây vàng SJC 9999 để Tr gửi tiết kiệm lấy lãi cho H, sau đó hai bên ít gặp nhau. Đến tháng 02/2018 H chưa lấy tiền lãi lần nào, nên đã nhiều lần gọi điện cho anh Tr để đòi tiền, nhưng anh Tr không nghe điện thoại của H. H đã nói chuyện với Đình Khắc H1 (bạn của Hạnh) biết sự việc. Do bức xúc nên H1 đã nảy sinh ý định bắt giữ, đưa anh Tr về nhà trọ của H để đòi tiền. Khoảng 20 giờ ngày 26/3/2018 H1 và H đến khu vực phòng trọ của anh Tr ở phường N, thành phố U, H chỉ cho H1 biết phòng trọ của anh Tr rồi về.

Khoảng 18 giờ ngày 29/3/2018 H1 cầm theo 01 chiếc dao có vỏ gỗ bọc ngoài dài khoảng 70cm và 01 dao bầu dài khoảng 30cm rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát (BKS) 14Y1-211.20 (đây là xe mô tô H1 mượn của H làm phương tiện đi lại) chở Đình Khắc H2 (con trai Huy) đi từ nhà H ở tổ 24, khu 5, phường B, thành phố U đến phòng trọ của anh Tr ở phường N, thành phố U, nhưng H1 không nói cho H2 biết là đi đâu, làm gì. Khi đến nơi thấy anh Tr, H dừng xe trước cửa phòng trọ của anh Tr rồi mở cốp xe mô tô. H1 cầm theo chiếc dao, còn H2 cầm theo con dao bầu đi vào phòng trọ của anh Tr. H1 yêu cầu anh Tr về phòng trọ của H, nhưng anh Tr không đồng ý. H1 dùng tay chân đấm, đá anh Tr, đồng thời đưa chiếc dao lên dọa anh Tr, nếu không đi thì sẽ chém. Sau đó H1 dùng chiếc dao cắt 01 đoạn dây điện từ máy bơm nước tại phòng trọ của

anh Tr rồi trói hai tay anh Tr ra phía sau, bắt anh Tr đưa lên xe mô tô. H1 đưa chiếc dao cho H2 rồi điều khiển xe mô tô chở anh Tr ngồi giữa, H2 cầm chiếc dao và con dao bầu ngồi phía sau xe cùng đi đến phòng trọ của H tại tổ 5A, khu 1, phường Q, thành phố U. Khi đến nơi H đi làm chưa về, nên H1 gọi điện thoại vào số điện thoại 01654.970.882 của H để thông báo đã bắt được anh Tr và bảo H về để trực tiếp đòi tiền. Tại phòng trọ của H, H1, H2 dùng chân tay đánh anh Tr. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H về đến phòng trọ thì thấy H1, H2 đang giữ và trói tay anh Tr, H bảo H1 cởi trói cho anh Tr. H yêu cầu anh Tr viết giấy nhận nợ H tổng số tiền 45.000.000đ và 01 cây vàng SJC 9999. Do sợ bị đánh, nên anh Tr đồng ý viết giấy vay nợ tiền rồi ký nhận. H tiếp tục hỏi anh Tr khi nào trả tiền thì anh Tr nói đã gửi số tiền trên cho chị Lại Thị B (là chị gái của anh Tr, sinh năm 1971, trú tại phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội) và hẹn ngày 30/3/2018 sẽ trả cho H. Anh Tr tiếp tục gọi điện thoại cho bạn là chị Đinh Thị Th (sinh năm 1979; trú tại xóm 6, xã S, thị xã Q.Y), thông báo cho chị Th biết việc anh Tr bị H, H1, H2 bắt giữ đòi tiền và nhờ Th liên lạc với chị B lấy tiền trả cho H, chị Th đồng ý. H, H1, H2 tiếp tục giữ anh Tr tại phòng trọ của H.

Đến 10 giờ ngày 30/3/2018, chị Th đến phòng trọ của H để gặp anh Tr. Lúc này H1 gọi xe Taxi đến rồi cùng với H2 đưa anh Tr lên xe đi về nhà H ở tổ 24, khu 5, phường B, thành phố U. H1 cầm theo chiếc dao mà ngày 29/3/2018 H1 đến phòng trọ anh Tr bắt anh Tr về phòng trọ của H, còn H giữ chị Th lại, đẩy chị Th vào phòng trọ của mình. Sau đó H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hoda Airblade BKS 14Y1-211.20 của mình đến nhà H1. Tại đây H1, H yêu cầu anh Tr gọi điện thoại cho người thân để chuyển tiền trả cho H. Anh Tr gọi điện cho chị B và bảo chuyển 50.000.000đ qua tài khoản của chị Th rồi liên tục gọi điện cho chị Th để rút tiền đưa cho Tr. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày anh Tr hẹn chị Th tại khu vực ngân hàng Viettinbank ở ngã tư cột đồng hồ, phường Q, thành phố U để gặp chị Th lấy tiền. H bảo H2 điều khiển xe mô tô BKS 14Y1-211.20 chở H đi lấy tiền. Khi H đang nhận từ chị Th số tiền 12.000.000đ thì bị lực lượng Công an thành phố U bắt quả tang, thu giữ số tiền trên và tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Viettel gắn sim số 01654.970.882 của H. H2 thấy H bị bắt liền điều khiển xe mô tô BKS 14Y1-211.20 bỏ chạy. Lúc này H1 nhận được điện thoại của H2 thông báo việc H bị bắt giữ, H1 thả cho anh Tr về rồi bỏ trốn khỏi địa phương. H2 điều khiển xe mô tô BKS 14Y1-211.20 bỏ trốn lên khu vực Tây Bắc. Quá trình bỏ trốn chiếc xe mô tô bị mất. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với H1, H2.

Hồi 14 giờ 25 phút cùng ngày 30/3/2018 anh Tr đến Công an trình báo toàn bộ sự việc nêu trên. Quá trình điều tra anh Tr tự nguyện giao nộp số tiền 33.000.000đ để giải quyết vấn đề vay nợ với H và yêu cầu H1, H2 phải bồi thường 10.000.000đ đối với việc anh bị H1, H2 dùng tay chân đánh gây thương tích.

Ngày 22/5/2018 Đinh Khắc H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U đầu thú.

Ngày 07/7/2018, Đình Khắc H2 đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng ninh đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KLĐG ngày 04/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố U, xác định: 01 cây vàng SJS theo giá thị trường thời điểm ngày 30/3/2018, có giá trị là 36.840.000đ.

Tại cáo trạng số: 128/CT-VKSUB ngày 06/8/2018, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Bùi Thị H, Đình Khắc H1 và Đình Khắc H2 về tội: **“Cưỡng đoạt tài sản”** và **“Bắt giữ người trái pháp luật”**, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo **cor bản** khai nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản và bắt giữ người trái pháp luật đúng như phần tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Hạnh thừa nhận anh Trình cầm của bị cáo **10.000.000đ** tiền mặt và 01 cây vàng 9999.

Bị hại anh Lại Xuân Tr có lời khai đúng như lời khai của các bị cáo về hành vi bắt giữ và đe dọa anh Trình để cưỡng đoạt tài sản. **Tại phiên tòa, anh Tr không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường việc anh bị đánh trong quá trình bắt giữ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.**

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Thị H, Đình Khắc H1, Đình Khắc H2 phạm các tội: **“Cưỡng đoạt tài sản”** và **“Bắt, giữ người trái pháp luật”**. Áp dụng điểm d **khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp từ 05 năm 03 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 30/3/2018; xử phạt Đình Khắc H1 từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp từ 05 năm 03 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/5/2018; xử phạt Đình Khắc H2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/7/2018.**

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị HĐXX không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Lại Xuân Tr yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 10.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại, nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, **c** khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy

01 vỏ dao bằng gỗ, 01 sim điện thoại số 01654.970.882; tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel của bị cáo H. Đối với số tiền 12.000.000đ Cơ quan điều tra bắt quả tang và số tiền 33.000.000đ bị hại là anh Tr nộp tại Cơ quan điều tra để trả cho bị cáo H. Đối với số tiền 12.000.000đ cần trả lại cho bị hại anh Lại Xuân Tr. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo H và anh Tr đã thỏa thuận được với nhau về việc anh Tr sẽ trả cho bị cáo toàn bộ số tiền 45.000.000đ mà anh Tr đã cầm gửi hộ bị cáo H, nên đề nghị HĐXX trả lại số tiền trên cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thụ thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của các bị cáo Bùi Thị H, Đinh Khắc H1 và Đinh Khắc H2 tại phiên tòa hôm nay cơ bản phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, với lời khai bị hại, với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố U lập hồi 11 giờ 50 phút ngày 30/3/2018, với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để HĐXX kết luận: Vì nhiều lần đòi tiền và vàng mà trước đó bị cáo H đã gửi, nhưng anh Tr không trả, nên H đã nói chuyện và chỉ nơi ở trọ của anh Tr cho Đinh Khắc H1 biết để H1 đòi tiền cho H. Khoảng 18 giờ ngày 29/3/2018 tại phòng trọ của anh Lại Xuân Tr thuộc khu Nam Trung, phường N, thành phố U, Đinh Khắc H1 và Đinh Khắc H2 có hành vi dùng dao đe dọa, dùng chân tay đánh rồi dùng dây điện trói tay anh Tr và bắt giữ trái pháp luật anh Tr rồi đưa đến phòng trọ của H tại tổ 5A, khu 1, phường Q, thành phố U. Tại đây H, H1 và H2 đã ép anh Tr phải viết giấy nhận nợ phải trả cho H 45.000.000đ và 01 cây vàng SJC 9999 có trị giá là 36.840.000đ. H, H1 và H2 tiếp tục giữ anh Tr tại phòng trọ của H đến 10 giờ ngày 30/3/2018, sau khi chị Đinh Thị Th (là bạn của Tr) đến gặp anh Tr ở phòng trọ của H để đi rút tiền về trả cho H, thì H1 đã đưa anh Tr đến nhà H1 ở tổ 24, khu 5, phường B, thành phố U để giữ anh Tr tại nhà của H1. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày 30/3/2018 khi H đang nhận 12.000.000đ từ chị Đinh Thị Th tại cây rút tiền ATM ở cột đồng hồ thuộc phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thì bị Công an

thành phố U, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền trên. Còn H1 và H2 đã trốn, đến ngày 22/5/2018 H1 ra Công an đầu thú, ngày 07/7/2018 H2 ra Công an đầu thú. HĐXX có thể khẳng định Bùi Thị H, Đinh Khắc H1 và Đinh Khắc H2 là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã có hành vi bắt, giữ trái phép và cưỡng đoạt tài sản của anh Lại Xuân Tr tổng số tiền là 81.840.000đ (tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), hành vi đó đã xâm phạm đến quyền tự do của con người, quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã cùng lúc xâm phạm trực tiếp đến 02 quyền năng cơ bản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện, nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Xét vai trò và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo thực hiện tội phạm mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, trong đó H là người khởi xướng, là người kẻ và chỉ nhà trọ của anh Tr để H1 đến đòi nợ, H1 là người trực tiếp cùng với con trai là H2 bắt giữ anh Tr đồng thời cùng với H đe dọa ép anh Tr viết giấy nhận nợ, nên vai trò của H và H1 là ngang nhau. H2 là người làm theo sự chỉ đạo của H1 và không được H1 nói cho biết từ trước, nên H2 giữ vai trò sau cùng trong vụ án. Cả ba bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, nên HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc để quyết định mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, bị cáo H1 và H2 ra Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo H được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, tính chất, vai trò phạm tội của các bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đối với bị cáo H tuy không trực tiếp tham gia vào việc bắt, giữ anh Tr nhưng là người nhờ và chỉ nơi ở của anh Tr để 02 bố con H1 và H2 bắt, giữ anh Tr, nên H và H1 có vai trò ngang nhau, nên phải có mức hình phạt bằng nhau, sau cùng là bị cáo H2. Xét thấy cần thiết bắt cả 03 bị cáo

phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000^d (mười triệu đồng) đến 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo Huy và Hùng không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3.7] Về tình tiết khác trong vụ án: Đối với thương tích của anh Lại Xuân Tr do bị đánh trong quá trình bắt giữ nhưng do thương tích nhẹ, anh Tr từ chối giám định nên không đề cập xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều bị hại anh Lại Xuân Tr yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000đ gồm tiền thuốc men và tổn thất tinh thần. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh Tr không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, phát mại nộp Ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại; 01 sim điện thoại số 01654.970.882, 01 vỏ dao bằng gỗ, màu vàng, có dây đeo bằng da, màu nâu không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 12.000.000đ thu giữ do bị cáo chiếm đoạt của bị hại, Cơ quan điều tra chưa trả cho bị hại, đồng thời bị hại còn tự nguyện nộp vào 33.000.000đ để trả cho bị cáo H. Xét thấy cần phải trả lại số tiền 12.000.000đ cho bị hại anh Lại Xuân Tr, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo và bị hại đã đồng ý thỏa thuận việc bị hại trả cho bị cáo H 45.000.000đ, để không phải giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Xét thấy việc thỏa thuận của bị cáo H và bị hại là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và để vụ án được giải quyết một cách toàn diện, nên HĐXX chấp nhận việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Bùi Thị H, Đinh Khắc H1 và Đinh Khắc H2** phạm tội: **“Bắt, giữ người trái pháp luật”** và tội: **“Cưỡng đoạt tài sản”**.

1.1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bùi Thị H 09 (chín)** tháng tù về tội **“Bắt, giữ người trái pháp luật”**, **05 năm** (năm) năm tù về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”**, tổng hợp hình phạt

chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành **05 (năm) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 30/3/2018.

1.2.Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đinh Khắc H1 09 (chín) tháng** tù về tội **“Bắt, giữ người trái pháp luật”**, **05 năm (năm) năm** tù về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”**, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành **05 (năm) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/5/2018.

1.3.Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đinh Khắc H2 06 (sáu) tháng** tù về tội **“Bắt, giữ người trái pháp luật”**, **30 (ba mươi) tháng** tù về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”**, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành **36 (ba mươi sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 07/7/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, **c** khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại, nộp Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 01654.970.882 01 và 01 vỏ dao bằng gỗ, màu vàng, có dây đeo bằng da, màu nâu. Trả cho bị cáo Bùi Thị H 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

(Toàn bộ số vật chứng tài sản trên có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng và Bảng kê tiền tang vật ngày 07/8/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Thị H, Đinh Khắc H1, Đinh Khắc H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- UBND phường Yên Thanh, UB-QN;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

Vũ Huy Hùng